TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2025
Về việc: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Sỹ Tiến
2. Ông Đặng Song Hoàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Việt C - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng C1, sinh năm 1977. Nơi thường trú: D T, phường V, thành phố Hồ Chí Minh.

Chổ ở hiện nay: Chung cư D B, phường V, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Võ Ngọc P, sinh năm 1978. Nơi thường trú: D T, phường V, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai, các biên bản làm việc; nguyên đơn chị Trương Thị Hồng C1 trình bày:

Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P đăng ký kết hôn ngày 08/11/2005 tại Ủy ban nhân dân phường C2, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Ban đầu, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung. Anh P không thật lòng, không chia sẻ khó khăn với chị C1, không có trách nhiệm với con cái và gia đình. Chị C1 và anh P không thể hàn gắn được tình cảm. Từ tháng 3/2025, anh P bỏ nhà đi

đâu không ai có thể liên lạc được. Nay, chị C1 nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho cho chị C1 được ly hôn với anh Võ Ngọc P.

Về con chung: Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P có 02 người con chung là cháu Võ Ngọc Cát T, sinh ngày 16/5/2007 và cháu Võ Hồng Bách L, sinh ngày 06/12/2011. Nay, cháu Võ Ngọc Cát T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Võ Hồng Bách L thì chị C1 có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị C1 không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C1 đồng ý chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Theo bản tự khai ngày 04/8/2025, bị đơn anh Võ Ngọc P trình bày:

Anh Võ Ngọc P đồng ý với trình bày của chị Trương Thị Hồng C1 về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vào khoảng đâu fnawm 2023, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, không cùng ý kiến suy nghĩ. Anh P đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với chị C1 mục đích để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn.

Nay, chị C1 yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Võ Ngọc P và chị Trương Thị Hồng C1 có 02 người con chung là cháu Võ Ngọc Cát T, sinh ngày 16/5/2007 và cháu Võ Hồng Bách L, sinh ngày 06/12/2011. Nay, cháu Võ Ngọc Cát T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Võ Hồng Bách L thì anh P đồng ý giao cháu Võ Hồng Bách L cho chị C1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh P không cấp dưỡng để chị C1 nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh P đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố H nên anh P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C1 và anh P ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Hồng C1.

Về con chung và cấp dưỡng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P cụ thể là chị C1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Hồng Bách L. Anh P không phải cấp dưỡng để chị C1 nuôi con chung. Đối với cháu Võ Ngọc Cát T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị C1, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Võ Ngọc P là phường V, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2005 tại Ủy ban nhân dân phường C2, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới. Trong quá trình sống chung đến đầu năm 2023, giữa chị C1 và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, không còn tình cảm với nhau.

[2.2.1] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị C1; Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để chị C1 và anh Phong hàn G tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng chị C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh P không tham gia phiên hòa giải

được và có văn bản tự khai xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C1.

[2.2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C1 và anh P đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, không thể hàn gắn và anh P cũng đồng ý ly hôn nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị Hồng C1 được ly hôn với anh Võ Ngọc P.

[2.3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P có 02 con chung là cháu Võ Ngọc Cát T, sinh ngày 16/5/2007 và cháu Võ Hồng Bách L, sinh ngày 06/12/2011. Nay, cháu Võ Ngọc Cát T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị C1 và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Võ Hồng Bách L thì anh P và chị C1 thỏa thuận giao cháu Võ Hồng Bách L cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên của đương sự.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị Hồng C1 phải nộp 300.000đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C1 đã nộp theo biên lai số 0002368 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Chị C1 đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Võ Ngọc P không phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Hồng C1 được ly hôn với anh Võ Ngọc P.

2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P có 02 con chung là cháu Võ Ngọc Cát T, sinh ngày 16/5/2007 và cháu Võ Hồng Bách L, sinh ngày 06/12/2011.

Cháu Võ Ngọc Cát T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị C1 và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P như sau: Chị Trương Thị Hồng C1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung là cháu Võ Hồng Bách L. Anh Võ Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị C1 và anh P đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Hồng C1 và anh Võ Ngọc P xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng C1 phải nộp 300.000đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C1 đã nộp theo biên lai số 0002368 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Chị C1 đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Võ Ngọc P không phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ; nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSNDKV11, Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THA dân sự kv 11, Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bình Thới, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy